

Số: 468 /QĐ-KĐ

Hội An, ngày 19 tháng 10 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Quyết định thực hiện chi tiền chính sách hỗ trợ chi phí học tập cho học sinh theo
NQ 50/2025/NQ- HĐND Học kỳ II Năm học 2025-2026

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG TRUNG HỌC CƠ SỞ KIM ĐỒNG

Căn cứ Thông tư số 15/2026/TT-BGDĐT ngày 24/03/2026 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Điều lệ trường Trung học cơ sở, trường Trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học;

Căn cứ vào quyết định số 1570/QĐ-UBND ngày 29/8/2026 của UBND phường Hội An về việc bổ sung kinh phí thực hiện chính sách hỗ trợ Chi phí học tập học kỳ II Năm học 2025-2026 cho trường THCS Kim Đồng;

Căn cứ vào quyết định số 1476/QĐ-UBND ngày 25/8/2026 của UBND phường Hội An về việc bổ nhiệm hiệu trưởng trường THCS Kim Đồng;

Căn cứ vào quy chế chi tiêu nội bộ năm 2026 của trường THCS Kim Đồng.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Quyết định thực hiện chi tiền chính sách hỗ trợ chi phí học tập cho học sinh theo NQ 50/2025/NQ- HĐND Học kỳ II Năm học 2025-2026.

Tổng số tiền: 271.200.000 đồng

Trong đó: Trường THCS Nguyễn Duy Hiệu (cũ): 97.200.000 đồng

Trường THCS Nguyễn Kim Đồng (cũ): 174.000.000 đồng

(Bằng chữ: Hai trăm bảy mươi một triệu, hai trăm ngàn đồng y)

(*Danh sách cụ thể đính kèm*)

Điều 2. Bộ phận tài chính trường có trách nhiệm tham mưu với hiệu trưởng tổ chức thực hiện việc chi trả đúng quy định.

Điều 3. Bộ phận tài vụ và các ông bà có tên ở điều 1 căn cứ quyết định thi hành. Trích từ nguồn ngân sách nhà nước cấp về năm 2026

Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu VT, KT



Số: 469 /QĐ- KĐ

Hội An, ngày 19 tháng 10 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố công khai chi tiền hỗ trợ chi phí học tập cho học sinh theo
NQ 50/2025/NQ- HĐND Học k ỳ II Năm học 2025-2026

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG TRUNG HỌC CƠ SỞ KIM ĐỒNG

Căn cứ Nghị định số 163/2016/ NĐ-CP ngày 21/12/2016 nghị định của chính phủ quy định về chi tiết thi hành một số điều luật NSNN;

Căn cứ thông tư 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài Chính sửa đổi bổ sung một số điều của TT 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của bộ tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ thông tư 09/2024/TT- BGDĐT ngày 03 tháng 06 năm 2024 về việc quy định về công khai trong hoạt động của các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân;

Căn cứ Thông tư số 15/2026/TT-BGDĐT ngày 24/03/2026 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Điều lệ trường Trung học cơ sở, trường Trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học;

Căn cứ vào quyết định số 1570/QĐ-UBND ngày 29/8/2026 của UBND phường Hội An về việc bổ sung kinh phí thực hiện chính sách hỗ trợ Chi phí học tập học kỳ II Năm học 2025-2026 cho trường THCS Kim Đồng.

Xét đề nghị của kế toán Trường THCS Kim Đồng;

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1: Quyết định công bố công khai quyết định số 468/QĐ- KĐ ngày 19/10/2026 về việc thực hiện chi tiền chính sách hỗ trợ chi phí học tập cho học sinh theo NQ 50/2025/NQ- HĐND Học k ỳ II Năm học 2025-2026.

Điều 2: Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký;

Điều 3: Ban giám hiệu và các bộ phận có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT.

HIỆU TRƯỞNG

Lê Hùng Sĩ

TRƯỜNG: THCS KIM ĐỒNG

DANH SÁCH HỌC SINH HƯỞNG CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ TIỀN ĂN VÀ CHI PHÍ HỌC TẬP THEO

HK 2 - NĂM HỌC 2025 - 2026

(Ban hành kèm theo QĐ số 468/QĐ-KĐ ngày 19 tháng 10 năm 2026)

Đơn vị tính: đồng

TT	Họ và tên học sinh	Ngày, tháng, năm sinh	Dân tộc	Hệ khẩu thường trú			Đổi tương hưởng chế độ (DTTS/K.ật)	Lớp	Số tháng, số tiền được hưởng			Ghi chú
				Thôn	Phường	Thành phố			Số tháng	Tổng số tiền đề nghị	Trong đó Tiền ăn và HTCP HT	
1	4	5	7	8		10	11	12	14	15	16	18
1	Thái Nguyên Phúc	13/10/2014	Nùng	Tổ 9, Hòa Thanh	Hội An Tây	Đà Nẵng	DTTS	6/2	5	6,000,000	6,000,000	
2	Châu Vương Kiệt	09/02/2014	Hoa	Xuân Trung	Hội An	Đà Nẵng	DTTS	6/3	5	6,000,000	6,000,000	
3	Phan Gia Kỳ	12/02/2013	Hán	126/5 Lý Thường Kiệt	Hội An	Đà Nẵng	DTTS	7/1	5	6,000,000	6,000,000	
4	Dương Chấn Huy	18/5/2013	Hán	20 Trần Cao Vân	Hội An	Đà Nẵng	DTTS	7/5	5	6,000,000	6,000,000	
5	Trần Lâm Phát	05/05/2013	Hán	195 Lý Thái Tổ	Hội An Đông	Đà Nẵng	DTTS	7/5	5	6,000,000	6,000,000	
6	Phù Tường Khang	04/06/2013	Hán	69 Nguyễn Thái Học	Hội An	Đà Nẵng	DTTS	7/6	5	6,000,000	6,000,000	
7	Lâm Văn Tấn Đạt	26/11/2013	Kinh	Trường Lê	Hội An Đông	Đà Nẵng	K. ật	7/6	5	6,000,000	6,000,000	
8	Ngô Văn Khánh	31/05/2012	Kinh	Phước Hải	Hội An Đông	Đà Nẵng	K. ật	7/6	5	6,000,000	6,000,000	
9	Trần Gia Mẫn	26/09/2013	Hán	813 Cửa Đại	Hội An	Đà Nẵng	DTTS	7/7	5	6,000,000	6,000,000	
10	Lê Hoàng Minh Tâm	02/12/2013	Kadong	Tổ 4, Trường Lê	Hội An Đông	Đà Nẵng	DTTS	7/7	5	6,000,000	6,000,000	
11	Trần Gia Hân	07/8/2013	Hán	12/13 Bạch Đằng	Hội An	Đà Nẵng	DTTS	7/9	5	6,000,000	6,000,000	
12	Lâm Gia Hoàng	16/7/2012	Kinh	An Thái	Hội An	Đà Nẵng	K. ật	7/9	5	6,000,000	6,000,000	
13	Trần Nam Kha	29/02/2012	Kinh	Tổ 25	Hội An	Đà Nẵng	K. ật	7/9	5	6,000,000	6,000,000	
14	Đặng Thục Trân	17/8/2012	Hán	47/24 Trần Hưng Đạo	Hội An	Đà Nẵng	DTTS	8/1	5	6,000,000	6,000,000	
15	Hứa Ánh Tuyết	14/2/2012	Hán	101B Nguyễn Duy Hiệu	Hội An Đông	Đà Nẵng	DTTS	8/2	5	6,000,000	6,000,000	

TT	Họ và tên học sinh	Ngày, tháng, năm sinh	Dân tộc	Hộ khẩu thường trú			Đối tượng hưởng chế độ (DTTS/K.ật)	Lớp	Số tháng, số tiền được hưởng			Ghi chú
				Thôn	Phường	Thành phố			Số tháng	Tổng số tiền đề nghị	Tiền ăn và HTCPT HT	
16	Thái Bảo Thy	2/5/2012	Hán	90 Bạch Đằng	Hội An	Đà Nẵng	DTTS	8/5	5	6,000,000	6,000,000	
17	Thái Uyên Nhi	4/7/2012	Hán	15 Phan Đình Phùng	Hội An Đông	Đà Nẵng	DTTS	8/5	5	6,000,000	6,000,000	
18	Thái Gia Khiêm	4/6/2012	Hán	04 Phan Châu Trinh	Hội An	Đà Nẵng	DTTS	8/5	5	6,000,000	6,000,000	
19	Diệp Tư Hân	27/9/2012	Hán	77 Trần Phú	Hội An	Đà Nẵng	DTTS	8/5	5	6,000,000	6,000,000	
20	Triệu Hoàng Thiên Kim	11/6/2012	Hán	70 Nguyễn Thái Học	Hội An	Đà Nẵng	DTTS	8/6	5	6,000,000	6,000,000	
21	Lâm Quốc Quân	12/7/2012	Hán	Tổ 1, Khối Thanh Nam Tây	Hội An	Đà Nẵng	DTTS	8/7	5	6,000,000	6,000,000	
22	Trần Trạch Phúc Long	27/7/2012	Hán	Tổ 14, Khối Phong Hòa	Hội An	Đà Nẵng	DTTS	8/7	5	6,000,000	6,000,000	
23	Trần Trung Quốc Đạt	28/03/2011	Kinh	Phong Thọ	Hội An	Đà Nẵng	K. ật	8/7	5	6,000,000	6,000,000	
24	Dư Nhã linh	2/1/2012	Hán	49 Lê Lợi, Khối An Định	Hội An	Đà Nẵng	DTTS	8/9	5	6,000,000	6,000,000	
25	Thái Gia Khánh	24/09/2011	Hán	tổ 11, khối 3	Hội An	Đà Nẵng	DTTS	9/4	5	6,000,000	6,000,000	
26	Châu Kiến Huy	4/10/2021	Hán	35 Ng. Thị Minh Khai	Hội An	Đà Nẵng	DTTS	9/6	5	6,000,000	6,000,000	
27	Thái Nhã Tuệ	13/03/2011	Hán	Tổ 16, khối 4	Hội An	Đà Nẵng	DTTS	9/7	5	6,000,000	6,000,000	
28	Trần Lê Kiều Oanh	14/3/2010	Kinh	Xuân Mỹ	Hội An Tây	Đà Nẵng	K. ật	9/8	5	6,000,000	6,000,000	
29	Trần Vĩnh Khang	24/01/2011	Hán	12/13 Bạch Đằng	Hội An	Đà Nẵng	DTTS	9/9	5	6,000,000	6,000,000	
	Tổng cộng									174,000,000	174,000,000	

Bảng chữ: Một trăm bảy mươi bốn triệu đồng.

Hội An ngày 19 tháng 10 năm 2026

Hiệu trưởng



LÊ HÙNG SĨ

DANH SÁCH HSPT HƯỞNG CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ THEO NGHỊ QUYẾT 50/2025/NQ-HĐND NGÀY 11/12/2025 CỦA UBND TP ĐÀ NẴNG

HỌC KỲ II NĂM HỌC 2025 - 2026

(Ban hành kèm theo Quyết định số 468/QĐ-KĐ ngày 19 tháng 10 năm 2026)

TT	Họ và tên học sinh	Ngày, tháng, năm sinh	Dân tộc	Hộ khẩu thường trú			Đổi tương hưởng chế độ (DTTS/K.ật)	Lớp	HỌC KỲ 2 NĂM HỌC: 2025-2026			Ghi chú
				Tổ/ Khối	Phường/Xã	Huyện			Số tháng	Tổng số tiền đề nghị	Trong đó	
											Tiền ăn (1.200.000đ/tháng)	
Tổng cộng									97 200 000	97 200 000		
1	Mạc Kế Vinh	21/07/2014	Hoa	Hà Trung	Hội An	Đà Nẵng	DTTS	6.1	5	6 000 000	6 000 000	
2	Nguyễn Vũ Khánh Nguyễn	01/06/2013	Kinh	An Thắng	Hội An	Đà Nẵng	Khuyết tật	6.2	5	6 000 000	6 000 000	
3	La Quang Thịnh	03/03/2014	Hoa	Xuân Lâm	Hội An	Đà Nẵng	DTTS	6.3	5	6 000 000	6 000 000	
4	Trần Trạch Nguyễn Khang	10/6/2014	Hoa	An Thắng	Hội An	Đà Nẵng	DTTS	6.3	5	6 000 000	6 000 000	
5	Trần Quốc Tiến	02/02/2013	Kinh	Tu Lễ	Hội An	Đà Nẵng	Khuyết tật	6.3	5	6 000 000	6 000 000	
6	Ngô Đình Khải	11/3/2014	Hoa	Tu Lễ	Hội An	Đà Nẵng	DTTS	6.4	5	6 000 000	6 000 000	
7	Ngô Hoàng Nhã Uyên	.01/03/2013	Tày	Tổ 38	An Khê	Đà Nẵng	DTTS	7.1	5	6 000 000	6 000 000	
8	Lâm Bảo Ngọc	9/7/2013	Hoa	Xuân Lâm	Hội An	Đà Nẵng	DTTS	7.4	5	6 000 000	6 000 000	
9	Mạc Huệ Vân	25/09/2012	Hán	Hà Trung	Hội An	Đà Nẵng	DTTS	8.1	5	6 000 000	6 000 000	
10	Kră Jăn Kline Hanjonruy	10/12/2012	Lạch	Boon Dung 2	Lạc Dương	Lâm Đồng	DTTS	8.1	5	6 000 000	6 000 000	
11	Phan Tổ Quyên	19/8/2012	Hán	Hậu Xá	Hội An Tây	Đà Nẵng	DTTS	8.3	5	6 000 000	6 000 000	
12	Hà Dư Minh Vỹ	06/08/2012	Kinh	An Bàng	Hội An Tây	Đà Nẵng	Khuyết tật	8.3	1	1 200 000	1 200 000	Nghỉ học từ T2.2026
13	Dư Bảo Nghi	02/01/2012	Hán	Xuân Lâm	Hội An	Đà Nẵng	DTTS	8.5	5	6 000 000	6 000 000	
14	Phan Tài Phúc	7/2/2012	Hán	Tu Lễ	Hội An	Đà Nẵng	DTTS	8.5	5	6 000 000	6 000 000	
15	Thái Bảo Quỳnh Hân	9/10/2011	Hán	An Thắng	Hội An	Đà Nẵng	DTTS	9.2	5	6 000 000	6 000 000	
16	La Nhã Trần	2/26/2011	Hán	Xuân Lâm	Hội An	Đà Nẵng	DTTS	9.2	5	6 000 000	6 000 000	
17	Lý Phúc Hưng	7/26/2011	Hán	Tân Lập	Hội An Tây	Đà Nẵng	DTTS	9.4	5	6 000 000	6 000 000	

Bảng chữ: Chín mươi bảy triệu, hai trăm ngàn đồng y.

Hội An, ngày 15 tháng 1 năm 2026
Hiệu trưởng
LÊ HÙNG SĨ